

BỘ Y TẾ

Số: 4578/QĐ-BYT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**VỀ VIỆC QUY ĐỊNH GIÁ TỐI ĐA CỦA MỘT SỐ ĐƠN VỊ MÁU TOÀN PHẦN VÀ CHẾ PHẨM MÁU ĐẠT TIÊU CHUẨN****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ***Căn cứ Luật Dược ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;**Căn cứ Điều 16 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;**Căn cứ Quyết định số 43/2000/QĐ-TTg ngày 07/4/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc vận động và khuyến khích nhân dân hiến máu tình nguyện;**Căn cứ Quyết định số 198/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình An toàn truyền máu; Căn cứ Thông tư số 182/2009/TT-BTC ngày 14/9/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung và mức chi cho công tác tuyên truyền, vận động hiến máu tình nguyện;**Trên cơ sở nguyên tắc xác định giá máu và các chế phẩm máu tại Cộng văn số 5999/BTC-QLG ngày 27/4/2009 của Bộ Tài chính về việc bổ sung, sửa đổi, mức chi và giá khối lượng máu toàn phần đạt tiêu chuẩn; Cộng văn số 15322/BTC-HCSN ngày 29/10/2009 của Bộ Tài chính tham gia ý kiến vào các văn bản liên quan đến giá máu toàn phần và chế phẩm máu;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý Khám chữa bệnh, Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế,***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Quy định về mức giá tối đa của một số khối lượng máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn áp dụng cho các đối tượng thanh toán từ ngân sách nhà nước (kể cả nguồn viện phí theo quy định phải ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước của các cơ sở y tế công lập) và Quỹ Bảo hiểm y tế như sau:

1. Giá tối đa đối với các đơn vị máu toàn phần đạt tiêu chuẩn:

- a) 150.000 đồng đối với đơn vị máu toàn phần thể tích 30 ml;
- b) 180.000 đồng đối với đơn vị máu toàn phần thể tích 50 ml;
- c) 260.000 đồng đối với đơn vị máu toàn phần thể tích 100 ml;
- d) 285.000 đồng đối với đơn vị máu toàn phần thể tích 150 ml;
- đ) 350.000 đồng đối với đơn vị máu toàn phần thể tích 200 ml;
- e) 415.000 đồng đối với đơn vị máu toàn phần thể tích 250 ml;
- g) 440.000 đồng đối với đơn vị máu toàn phần thể tích 350 ml;
- h) 485.000 đồng đối với đơn vị máu toàn phần thể tích 450 ml;

2. Giá tối đa đối với chế phẩm hồng cầu đạt tiêu chuẩn quy định:

- a) 185.000 đồng đối với khối hồng cầu thể tích 30 ml;
- b) 215.000 đồng đối với khối hồng cầu thể tích 50 ml;
- c) 295.000 đồng đối với khối hồng cầu thể tích 100 ml;
- d) 315.000 đồng đối với khối hồng cầu thể tích 150 ml;
- đ) 375.000 đồng đối với khối hồng cầu thể tích 200 ml;
- e) 445.000 đồng đối với khối hồng cầu thể tích 250 ml;
- g) 465.000 đồng đối với khối hồng cầu thể tích 350 ml;
- h) 500.000 đồng đối với khối hồng cầu thể tích 450 ml;

3. Giá tối đa đối với chế phẩm huyết tương tươi đông lạnh:

- a) 55.000 đồng đối với huyết tương tươi đông lạnh thể tích 30ml;
- b) 75.000 đồng đối với huyết tương tươi đông lạnh thể tích 50ml;
- c) 125.000 đồng đối với huyết tương tươi đông lạnh thể tích 100ml;
- d) 145.000 đồng đối với huyết tương tươi đông lạnh thể tích 150ml;
- đ) 225.000 đồng đối với huyết tương tươi đông lạnh thể tích 200ml;
- e) 275.000 đồng đối với huyết tương tươi đông lạnh thể tích 250ml;

4. Giá tối đa đối với các chế phẩm huyết tương đông lạnh:

- a) 40.000 đồng đối với huyết tương đông lạnh thể tích 30ml;
- b) 60.000 đồng đối với huyết tương đông lạnh thể tích 50ml;
- c) 105.000 đồng đối với huyết tương đông lạnh thể tích 100ml;
- d) 135.000 đồng đối với huyết tương đông lạnh thể tích 150ml;
- đ) 195.000 đồng đối với huyết tương đông lạnh thể tích 200ml;
- e) 240.000 đồng đối với huyết tương đông lạnh thể tích 250ml;

5. Giá tối đa đối với các chế phẩm huyết tương giàu tiểu cầu:

- a) 200.000 đồng đối với huyết tương giàu tiểu cầu thể tích 100 ml;
- b) 205.000 đồng đối với huyết tương giàu tiểu cầu thể tích 150 ml;
- c) 215.000 đồng đối với huyết tương giàu tiểu cầu thể tích 200 ml;

6. Giá tối đa đối với các chế phẩm khối tiểu cầu:

- a) 145.000 đồng đối với khối tiểu cầu pool thể tích 40 ml;
- b) 250.000 đồng đối với khối tiểu cầu pool thể tích 80 ml;
- c) 350.000 đồng đối với khối tiểu cầu pool thể tích 120 ml;
- d) 445.000 đồng đối với khối tiểu cầu pool thể tích 150 ml;

7. Giá tối đa đối với các chế phẩm tủa lạnh:

- a) 50.000 đồng đối với chế phẩm tủa lạnh thể tích 10 ml;
- b) 295.000 đồng đối với chế phẩm tủa lạnh thể tích 50 ml;
- c) 465.000 đồng đối với chế phẩm tủa lạnh thể tích 100 ml;

8. Giá tối đa đối với một số chế phẩm khác:

- a) 250.000 đồng đối với khối bạch cầu hạt pool thể tích 125 ml;
- b) 505.000 đồng đối với khối bạch cầu hạt pool thể tích 250 ml;
- c) 610.000 đồng đối với khối bạch cầu gan tách thể tích 250 ml (chưa bao gồm bộ dụng cụ gan tách)
- d) 610.000 đồng đối với khối tiểu cầu gan tách thể tích 250 ml (chưa bao gồm bộ dụng cụ gan tách)
- đ) 355.000 đồng đối với khối tiểu cầu gan tách thể tích 120 ml (chưa bao gồm bộ dụng cụ gan tách)

9. Mức giá tối đa nêu trên chưa bao gồm chi phí làm các xét nghiệm bổ sung quy định tại Điều 19 của Quy chế truyền máu ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-BYT ngày 19/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế và chi phí vận chuyển máu, chế phẩm máu từ các đơn vị có chức năng tiếp nhận đến nơi đơn vị sử dụng.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị có chức năng tiếp nhận máu căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị để xây dựng và ban hành mức giá cụ thể của từng thể tích máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định tại Điều 1 nêu trên; đồng thời thực hiện kê khai giá, niêm yết giá theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Đối với các trường hợp thanh toán từ các nguồn khác (trừ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn viện phí theo quy định phải ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước của các cơ sở y tế công lập, Quỹ bảo hiểm y tế) thì Thủ trưởng các đơn vị có chức năng tiếp nhận máu xây dựng và quyết định mức giá cụ thể của từng thể tích máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí thực tế hợp lý, có tích lũy, phù hợp với tình hình thị trường; đồng thời thực hiện kê khai giá, niêm yết giá theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành. Quyết định số 28/2007/QĐ-BYT ngày 10/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá tối đa của một khối lượng máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn sẽ được bãi bỏ bằng một văn bản quy phạm pháp luật khác.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Bộ Y tế, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch – Tài chính, Bảo hiểm Y tế, Pháp chế, Cục trưởng các Cục: Quản lý Khám chữa bệnh, Quản lý Dược, Phòng chống HIV/AIDS – Bộ Y tế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Trung tâm truyền máu khu vực;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Bộ Tài chính;
- Website Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KH-TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Xuyên

PHỤ LỤC

MỨC CHI TỐI ĐA CỦA MỘT SỐ NỘI DUNG CHI KẾT CẤU TRONG GIÁ ĐƠN VỊ MÁU TOÀN PHẦN (Kèm theo Quyết định số 4578/QĐ-BYT ngày 20/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Chi hỗ trợ cho các đơn vị, cơ sở tổ chức ngày hiến máu tình nguyện: Mức chi tối đa là 30.000 đồng/người hiến máu.

Nội dung chi hỗ trợ, mức chi hỗ trợ cụ thể và sử dụng khoản kinh phí này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 182/2009/TT-BTC ngày 14/9/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung và mức chi cho công tác tuyên truyền, vận động hiến máu tình nguyện.

2. Chi ăn uống nhẹ tại chỗ cho người hiến máu (cả người hiến máu tình nguyện và hiến máu chuyên nghiệp): Mức chi tối đa là 20.000 đồng/người/lần hiến máu.

3. Chi bồi dưỡng trực tiếp cho người hiến máu chuyên nghiệp:

a) Đối với người hiến máu toàn phần:

- 140.000 đồng tính cho một đơn vị máu có thể tích 250 ml;
- 200.000 đồng tính cho một đơn vị máu có thể tích 350 ml;
- 260.000 đồng tính cho một đơn vị máu có thể tích 450 ml;

Trường hợp thể tích máu tăng thêm hoặc giảm đi so với các đơn vị thể tích trên thì được cộng thêm hoặc giảm đi tương ứng 600 đồng/01 ml.

b) Đối với người hiến để gan tách các thành phần máu (khối tiểu cầu, khối bạch cầu hạt, tế bào gốc máu ngoại vi ...):

- + 300.000 đồng tính cho thể tích chế phẩm từ 250 đến dưới 400 ml.
- + 450.000 đồng tính cho thể tích chế phẩm từ 400 đến 500 ml.

4. Chi phí đối với người hiến máu tình nguyện:

a) Chi quà tặng bằng hiện vật nhằm động viên khuyến khích, bồi dưỡng sức khỏe đối với người hiến máu tình nguyện: Mức chi tối đa là 80.000 đồng/người/lần hiến máu (áp dụng cho tất cả các loại thể tích máu).

b) Chi hỗ trợ chi phí đi lại đối với người hiến máu tình nguyện: Mức chi tối đa là 30.000 đồng/người/lần hiến máu.

Các cơ sở có chức năng tiếp nhận máu căn cứ vào tình hình thực tế để quyết định mức hỗ trợ trong phạm vi mức chi tối đa nêu trên và hình thức hỗ trợ, đảm bảo khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia hiến máu tình nguyện.